

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 30/9/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Tề.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Huế Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Phước Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 17 tháng 10 năm 1990; Nơi sinh: thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Khu vực A, phường K, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không có; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông: Phạm Thành D, sinh năm 1966 (còn sống); Và bà: Châu Thị N, sinh năm 1963 (còn sống); Anh chị em ruột: 03 người. Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1994; Vợ: Không có; Con: Không có; Tiền sự: Không có; Tiền án: Không có; Nhân thân: Tốt; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 31/8/2023 đến ngày 02/9/2023 cho bảo lãnh đến nay. Bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1/ Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1990; (Có mặt)

Trú tại: Khu vực X, phường B, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2. Đoàn Minh P, sinh năm 1985; (Có mặt)

3. Phan Thị Diễm N, sinh năm 1988; (Có mặt)

Cùng trú tại: Số N ấp P, xã S, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người làm chứng:

1/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; (Vắng mặt)

Trú tại: ấp M, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2/ Phạm Xuân V, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Trú tại: Lê Thị G, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ Trần Ngọc T, sinh năm 1990; (Vắng mặt)

Trú tại: , phường Xuân K, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Phước Đ biết được thông tin của những người có nhu cầu bán đất tại khu vực thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang đăng bán trên mạng xã hội nên Định đã lưu lại những hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi Định tự liên hệ với những người có nhu cầu mua đất để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Để tạo lòng tin cho những người mua đất, Đ đã gửi những hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người mua đất xem rồi Đ tự đưa ra giá đất, Đ nói với người mua thừa đất sắp mua rất có giá trị nếu mua sẽ có lời và Đ đưa ra thông tin là sẽ hùn tiền vào mua rồi bán lại kiếm tiền lời chia nhau, nếu những người mua đất đồng ý mua thì Đ tự làm giả hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong hợp đồng Đ tự ghi và ký tên bên người bán, bên người mua và người làm chứng rồi gửi hợp đồng qua zalo cho những người mua đất để họ tin tưởng chuyển tiền cho Đ, sau khi đã gửi các hợp đồng đặt cọc và chiếm đoạt số tiền đặt cọc, Đ tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối như: Chủ đất có ý định hủy hợp đồng đặt cọc để lấy lại đất, chủ đất không cho kéo dài thời gian đặt cọc mà buộc phải thanh toán tiền và sang tên công chứng liền, chủ đất yêu cầu chuyển tiền để nộp thuế, phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đưa tiền cho Đ để lên thổ cư đất ..., để yêu cầu những người mua đất chuyển thêm số tiền đã thỏa thuận mua đất cho Đ để chiếm đoạt, thực tế những người bán đất (chủ đất) không

biết Đ làm hợp đồng đặt cọc với những người mua đất, không đưa ra giá đất và cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của những người mua đất. Đối với số tiền lừa đảo bán đất có được Đ sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2022 đến ngày 13/5/2022, bằng những phương thức, thủ đoạn nêu trên Phạm Phước Đ đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 14/02/2022, Phạm Phước Đ lấy hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 995, tờ bản đồ số 9, diện tích 55m², địa chỉ khu vực 5, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang trên mạng xã hội rồi gửi qua Zalo cho anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1990, ngụ khu vực II, phường 5, thành phố Vị Thanh và đưa ra thông tin gian dối rằng chủ sở hữu muốn bán với giá 200.000.000đ, anh Đ2 đồng ý mua, sau đó Định đã tự làm giả một hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 14/02/2022, với nội dung bên bán là ông Phạm Xuân V, sinh năm 1990, ngụ số 123/5A, Lê Thị Hồng Gấm, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, bên mua là Nguyễn Tấn Đ và người làm chứng là bà Nguyễn Thị Diện, sinh năm 1992, ngụ Tân Phước Hưng, Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, số tiền đặt cọc là 20.000.000đ. Do tin tưởng Đ nên anh Đ2 đã nhiều lần chuyển khoản cho Đ tổng số tiền 170.000.000đ để mua đất, cụ thể: Ngày 14/02/2022 chuyển tiền đặt cọc 20.000.000đ, ngày 17/02/2022 chuyển số tiền 30.000.000đ, ngày 04/3/2022, chuyển số tiền 40.000.000đ, ngày 05/3/2022 chuyển số tiền 50.000.000đ, ngày 09/3/2022 chuyển số tiền 30.000.000đ. Ngoài ra, anh Đ2 còn chuyển cho Đ mượn nhiều lần với số tiền 57.000.000đ.

Sau khi chuyển tiền cho Đ, anh Đ2 nhiều lần liên hệ với Đ để làm thủ tục sang tên nhưng Đ nhiều lần hẹn và đưa ra nhiều lý do, nghi ngờ Đ lừa đảo mình nên anh Đ2 tìm hiểu thì biết chủ đất không phải tên Phạm Xuân V và thửa đất trên chủ đất đã bán cho người khác, biết mình bị lừa đảo nên anh Đ2 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ngã Bảy, tố giác hành vi của Đ.

Qua xác minh xác định: Thửa đất số 995, tờ số 9, diện tích 55m², số giấy chứng nhận H-01023 địa chỉ khu vực V, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang do chị Trần Ngọc T, sinh năm 1990, ngụ số , phường X, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ đứng tên sở hữu. Ngày 24/6/2022 chị Trà đã chuyển nhượng thửa đất lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, ngụ ấp Mỹ Phú, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Ngày 25/8/2022, thửa đất số 995 được cấp đổi thành thửa số 76, tờ bản đồ số 36, số giấy chứng nhận S01612. Đến

ngày 25/10/2022 vợ chồng bà H đã bán thửa đất trên cho chị Phan Thị Diễm N. Chị Trà, vợ chồng bà H không biết việc Định đứng ra bán thửa đất trên cho anh Nguyễn Tấn Đ, bà H không có ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất ngày 14/02/2022 và không có nhận khoản tiền nào từ việc Đ lừa bán đất cho anh Đ2 (BL 64-75).

Vụ thứ hai: Ngày 27/3/2022, Phạm Phước Đ gửi hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 78, tờ bản đồ số 52, diện tích 99,9m², địa chỉ khu vực II, phường Lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy cho vợ chồng anh Đoàn Phúc M, sinh năm 1985 và chị Phan Thị Diễm N, sinh năm 1988, ngụ ấp Phú Hòa Yên, xã Xuân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long và đưa ra thông tin gian dối rằng chủ sở hữu muốn bán với giá 555.000.000đ, anh M xem đất và đồng ý mua, sau đó Đ đã tự làm giả một hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 28/3/2022, bên bán đất là Phạm Xuân V, sinh năm 1990, ngụ số , Lê Thị , thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, bên mua là Đoàn Phúc M, người chứng kiến là Nguyễn Thị H, số tiền đặt cọc là 150.000.000đ. Do tin tưởng Đ nên anh M và vợ là chị N đã đưa tiền mặt và nhiều lần chuyển khoản cho Đ tổng số tiền 285.000.000đ để mua đất, cụ thể: Ngày 25/3/2022, anh M chuyển cho Đ số tiền 60.000.000đ, ngày 28/3/2022 anh M giao tiền mặt cho Đ số tiền 90.000.000đ (tổng số tiền 150.000.000đ chuyển cho Đ ngày 25/3 và 28/3/2022 là tiền cọc), ngày 29/4/2022 chị N chuyển cho Đ 02 lần, với số tiền 36.000.000đ, ngày 12/5/2022 anh M chuyển cho Đ số tiền 85.000.000đ, ngày 13/5/2022 chị N chuyển cho Đ số tiền 14.000.000đ. Ngoài ra, ngày 04/4/2022 anh M còn chuyển cho Đ mượn số tiền 72.000.000đ (BL 17-18, 41-52, 122-123, 124-125).

Sau khi chuyển tiền cho Đ, anh M nhiều lần liên hệ với Đ để làm thủ tục sang tên nhưng Đ nhiều lần hẹn và đưa ra nhiều lý do, nghi ngờ Đ lừa đảo mình nên anh M theo dõi thì biết được thửa đất trên ông Phạm Xuân V đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973, ngụ tại ấp M, xã Tân P, huyện Phụng Hiệp vào ngày 18/7/2022, biết mình bị lừa đảo nên anh M đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ngã Bảy, tố giác hành vi của Đ.

Qua xác minh xác định: Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 52, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 618190 số vào sổ CS01537, diện tích 99,9m², địa chỉ khu vực II, phường Lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang do anh Phạm Xuân V, sinh năm 1990, ngụ số phường N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đứng tên chủ sở hữu, đến ngày 18/7/2022 anh V chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H, việc Đ đứng ra bán thửa đất trên cho anh Đoàn Phúc M anh V không biết, anh V cũng không có ký hợp đồng đặt

cọc chuyển nhượng quyền sử dụng và tài sản gắn liền với đất ngày 28/3/2022 và không có nhận khoản tiền nào từ việc Đ lừa bán đất cho anh M (BL 53-63).

Tại Cơ quan điều tra Phạm Phước Đ đã thừa nhận hành vi của mình như đã nêu trên, Đ thừa nhận đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của anh Nguyễn Tấn Đ tổng số tiền là 170.000.000đ. Đối với số tiền chiếm đoạt của vợ chồng anh Đoàn Phúc M, Đ chỉ thừa nhận chiếm đoạt tổng số tiền là 235.000.000đ, còn lại số tiền 50.000.000đ (ngày 29/4/2022 chị N chuyển cho Đ 02 lần, với số tiền 36.000.000đ, ngày 13/5/2022 chị N chuyển cho Đ số tiền 14.000.000đ) Đ cho rằng đây là số tiền Đ mượn không phải số tiền Đ lừa đảo chiếm đoạt, nhưng Đ không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào lời khai của chị Phan Thị Diễm N, lời khai của anh Đoàn Phúc M, biên bản đối chất ngày 14/12/2023, sổ hạch toán chi tiết của tài khoản Phan Thị Diễm N mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh thành phố Cần Thơ (BL 51-52), xác định chị N có chuyển cho Định số tiền 36.000.000đ ngày 29/4/2022 và chuyển số tiền 14.000.000đ ngày 13/5/2022 trong nội dung chuyển khoản ghi là “chuyển khoản hùn mua đất”, do đó có đủ cơ sở xác định số tiền 50.000.000đ chị N đã chuyển cho Đ là số tiền Đ đã lừa đảo chiếm đoạt, không phải là số tiền mượn như Định đã trình bày.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Phước Đ đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Tấn Đ và vợ chồng anh Đoàn Phúc M là **455.000.000đ**, gồm: anh Đ2 số tiền 170.000.000đ và vợ chồng anh M là 285.000.000đ.

Vật chứng Cơ quan điều tra đã tạm giữ và kèm theo hồ sơ vụ án:

- 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/02/2022 do Nguyễn Tấn Đ giao nộp, Bản sao kê chi tiết giao dịch của Nguyễn Tấn Đ từ ngày 01/01/2022 đến 20/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, 01 giấy nộp tiền ngày 17/02/2022 của Nguyễn Tấn Đ, 01 giấy nộp tiền ngày 04/3/2022 của Nguyễn Tấn Đ (BL 28-35).

- 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 28/3/2022 do Đoàn Phúc M giao nộp, 01 bản sao kê tài khoản của Đoàn Phúc M từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng Vietcombank, 01 sổ hạch toán chi tiết tài khoản của Phan Thị Ngọc Diễm từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP Quân Đội (BL 42, 44-52).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tấn Đ yêu cầu bị cáo Đ trả tổng số tiền 228.500.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 170.000.000đ và 58.500.000đ tiền bị hại Đạt cho bị cáo Đ mượn), bị cáo Đ chưa bồi thường cho bị hại Đạt; Bị hại Đoàn Phúc M yêu cầu bị cáo Đ trả tổng số tiền 362.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 285.000.000đ và 77.000.000đ tiền bị hại Minh cho bị cáo Đ mượn). Bị cáo Đ đã trả cho bị hại Minh số tiền lừa đảo là 200.000.000đ và 10.000.000đ tiền mượn, còn lại

bị hại Minh tiếp tục yêu cầu bị cáo Đ bồi thường số tiền 152.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 85.000.000đ và 67.000.000đ tiền bị hại Minh cho bị cáo Đ mượn).

Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-TPNB ngày 12/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Phạm Phước Đ về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên toà, bị cáo Phạm Phước Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Phước Đ theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Tuyên bố bị cáo Phạm Phước Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Phạm Phước Đ từ 08 – 09 năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 31/8/2023 đến ngày 02/9/2023 (03 ngày).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: buộc bị cáo Phạm Phước Đ phải trả cho anh Nguyễn Tấn Đ tổng số tiền 228.500.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 170.000.000đ và 58.500.000đ tiền bị cáo Đ mượn); buộc bị cáo Phạm Phước Đ tiếp tục trả cho anh Đoàn Phúc M và chị Phan Thị Diễm N tổng số tiền 152.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 85.000.000đ và 67.000.000đ bị cáo Đ mượn).

- Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Lưu kèm theo hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/02/2022 do Nguyễn Tấn Đ giao nộp, Bản sao kê chi tiết giao dịch của Nguyễn Tấn Đ từ ngày 01/01/2022 đến 20/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, 01 giấy nộp tiền ngày 17/02/2022 của Nguyễn Tấn Đ, 01 giấy nộp tiền ngày 04/3/2022 của Nguyễn Tấn Đ (BL 28-35); 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 28/3/2022 do Đoàn Phúc M giao nộp, 01 bản sao kê tài khoản của Đoàn Phúc M từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng Vietcombank, 01 sổ hạch toán chi tiết tài khoản của Phan Thị Ngọc Diễm từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP Quân Đội (BL 42, 44-52).

Bị cáo Phạm Phước Đ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà.

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Ngã Bảy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Xét lời khai của bị cáo Phạm Phước Đ, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Để thực hiện ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo Phạm Phước Đ lưu lại những hình ảnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người mua bán đất qua mạng xã hội, rồi bị cáo Định tự liên hệ với các bị hại có nhu cầu mua đất để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo Định tự đưa ra giá đất, hùn tiền mua đất, làm giả hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất rồi gửi cho các bị hại để các bị hại tin tưởng chuyển tiền đặt cọc mua đất cho bị cáo Định để chiếm đoạt, sau đó bị cáo Đ tiếp tục đưa ra các thông tin gian dối như: Chủ đất có ý định hủy hợp đồng đặt cọc để lấy lại đất; chủ đất không cho kéo dài thời gian đặt cọc mà buộc phải thanh toán tiền và sang tên công chứng liền; chủ đất yêu cầu chuyển tiền để nộp thuế, phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đưa tiền cho Đ để lên thổ cư đất, ... để yêu cầu các bị hại chuyển thêm tiền cho Đ để chiếm đoạt, thực tế những người bán đất (chủ đất) không biết Đ làm hợp đồng đặt cọc với những người mua đất, không đưa ra giá đất và cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào của những người mua đất. Bằng thủ đoạn trên trong khoảng thời gian từ ngày 14/02/2022 đến ngày 13/5/2022, bị cáo Phạm Phước Đ đã thực hiện 02 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại Nguyễn Tấn Đ và vợ chồng Đoàn Phúc M, Phan Thị Diễm N, với tổng số tiền đã chiếm đoạt là 455.000.000đ (trong đó của bị hại Đạt là 170.000.000đ và vợ chồng bị hại Minh là 285.000.000đ). Bị cáo Đ có năng lực

trách nhiệm hình sự, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo Phạm Phước Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy là có căn cứ.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi trên đây của bị cáo Phạm Phước Đ là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo vắng mặt tại cơ quan điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường cho anh M và chị N số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: buộc bị cáo Phạm Phước Đ phải trả cho anh Nguyễn Tấn Đ tổng số tiền 228.500.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Định lừa đảo là 170.000.000đ và 58.500.000đ tiền bị cáo Đ mượn); buộc bị cáo Phạm Phước Đ tiếp tục trả cho anh Đoàn Phúc M và chị Phan Thị Diễm N tổng số tiền 152.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 85.000.000đ và 67.000.000đ bị cáo Đ mượn).

[6]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Lưu kèm theo hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/02/2022 do Nguyễn Tấn Đ giao nộp, Bản sao kê chi tiết giao dịch của Nguyễn Tấn Đ từ ngày 01/01/2022 đến 20/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, 01 giấy nộp tiền ngày 17/02/2022 của Nguyễn Tấn Đ, 01 giấy nộp tiền ngày 04/3/2022 của Nguyễn Tấn Đ (BL 28-35); 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 28/3/2022 do Đoàn Phúc M giao nộp, 01 bản sao kê tài khoản

của Đoàn Phúc M từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng Vietcombank, 01 sổ hạch toán chi tiết tài khoản của Phan Thị Ngọc Diễm từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP Quân Đội (BL 42, 44-52).

[7]. Về án phí: Bị cáo Phạm Phước Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về trách nhiệm hình sự, hình phạt: Tuyên bố bị cáo Phạm Phước Đ phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Phước Đ 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 31/8/2023 đến ngày 02/9/2023 (03 ngày).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: buộc bị cáo Phạm Phước Đ phải trả cho anh Nguyễn Tấn Đ tổng số tiền 228.500.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 170.000.000đ và 58.500.000đ tiền bị cáo Đ mượn); buộc bị cáo Phạm Phước Đ tiếp tục trả cho anh Đoàn Phúc M và chị Phan Thị Diễm N tổng số tiền 152.000.000đ (trong đó: số tiền bị cáo Đ lừa đảo là 85.000.000đ và 67.000.000đ bị cáo Đ mượn).

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Lưu kèm theo hồ sơ vụ án: 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/02/2022 do Nguyễn Tấn Đ giao nộp, Bản sao kê chi tiết giao dịch của Nguyễn Tấn Đ từ ngày 01/01/2022 đến 20/5/2022 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, 01 giấy nộp tiền ngày 17/02/2022 của Nguyễn Tấn Đ, 01 giấy nộp tiền ngày 04/3/2022 của Nguyễn Tấn Đ (BL 28-35); 01 hợp đồng đặt cọc ghi ngày 28/3/2022 do Đoàn Phúc M giao nộp, 01 bản sao kê tài khoản của Đoàn Phúc M từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng Vietcombank, 01 sổ hạch toán chi tiết tài khoản của Phan Thị Ngọc Diễm từ ngày 01/3/2022 đến 30/5/2022 của Ngân hàng TMCP Quân Đội (BL 42, 44-52).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm 9.885.000đ (chín triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

5. Quyền kháng cáo Bản án: Bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP Ngã Bảy;
- Công an TP Ngã Bảy;
- THAHS Công an TP Ngã Bảy;
- Chi cục THADS TP Ngã Bảy;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bà Đỗ Thị Tề

Nguyễn Văn Hải

Trần Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bà Đỗ Thị Tề Nguyễn Văn Hải

Trần Thị Nhung